

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1059 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả xếp loại thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại kết quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023 tại Tờ trình số 96/TTr-HĐTĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả xếp loại thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023 (phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng và kết quả xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại Điều 1, Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thành viên Hội đồng thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các



huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố kết quả xếp loại thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (01b);
- Cục Thống kê;
- Báo Kiên Giang;
- Đài PTTH Kiên Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND cấp xã;
- LĐVP, CVNC, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



PHỤ LỤC 1

(Kèm Quyết định số 1059 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Đơn vị	Đơn vị tự chấm	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	Chỉ số tổng hợp	Xếp loại
1	Sở Nội vụ	87.37	84.12	9.26	93.38	93.38	Tốt
2	Sở Tài chính	90	82.58	9.68	92.26	92.26	Tốt
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	84.73	82.55	9.52	92.07	92.07	Tốt
4	Sở Giao thông vận tải	87.09	80.93	9.77	90.70	90.70	Tốt
5	Sở Du lịch	95.91	82.06	8.53	90.59	90.59	Tốt
6	Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội	96.79	79.76	8.75	88.51	88.51	Tốt
7	Sở Thông tin và Truyền thông	99.41	79.36	8.63	87.99	87.99	Tốt
8	Sở Văn hóa và Thể thao	86.77	78	9.91	87.91	87.91	Tốt
9	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	84	77.91	8.22	86.13	86.13	Tốt
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	97.24	76.94	9.12	86.06	86.06	Tốt
11	Sở Khoa học và Công nghệ	89.24	76.93	8.73	85.66	85.66	Tốt
12	Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	83.36	75.83	9.4	85.23	85.23	Tốt
13	Sở Tư Pháp	82.79	75.92	9.28	85.20	85.20	Tốt
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	71.35	77.51	7.32	84.83	84.83	Khá
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	85.7	74.17	9.43	83.60	83.60	Khá
16	Sở Công Thương	97.8	68.73	9.76	78.49	78.49	Khá
17	Sở Y tế	88.26	67.79	9.81	77.60	77.60	Khá
18	Sở Xây dựng	78.54	67.91	8.97	76.88	76.88	Khá



PHỤ LỤC 2

(Kèm Quyết định số 1059 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Đơn vị	Đơn vị tự chấm	Điểm thẩm định	Tổng điểm	Chỉ số tổng hợp	Xếp loại
1	Thanh tra tỉnh	83.26	81.49	81.49	90.54	Tốt
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	86.31	72.75	72.75	80.83	Khá
3	Ban Dân tộc	74.7	70.2	70.2	78.00	Khá
4	Sở Ngoại vụ	88.1	69.08	69.08	76.76	Khá



PHỤ LỤC 3

(Kèm Quyết định số 1059 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Đơn vị	Đơn vị tự chấm	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	Chỉ số tổng hợp	Xếp loại
1	UBND thành phố Rạch Giá	86.27	81.91	9.26	91.17	91.17	Tốt
2	UBND huyện An Minh	84.09	78.73	9.82	88.55	88.55	Tốt
3	UBND huyện Tân Hiệp	85.5	79.84	8.63	88.47	88.47	Tốt
4	UBND thành phố Phú Quốc	85.6	78.83	9.51	88.34	88.34	Tốt
5	UBND huyện Kiên Hải	93.6	79.56	7.8	87.36	87.36	Tốt
6	UBND huyện Giồng Riềng	86.57	77.75	9.39	87.14	87.14	Tốt
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	97.45	76.57	9.99	86.56	86.56	Tốt
8	UBND thành phố Hà Tiên	83.68	76.72	9.78	86.50	86.50	Tốt
9	UBND huyện Kiên Lương	80.99	76.72	9.72	86.44	86.44	Tốt
10	UBND huyện An Biên	80.59	76.26	9.35	85.61	85.61	Tốt
11	UBND huyện Gò Quao	85.59	75.7	9.91	85.61	85.61	Tốt
12	UBND huyện U Minh Thượng	82.44	72.42	9.4	81.82	81.82	Khá
13	UBND huyện Hòn Đất	81.65	72.89	8.8	81.69	81.69	Khá
14	UBND huyện Giang Thành	88.97	70.75	9.91	80.66	80.66	Khá
15	UBND huyện Châu Thành	82.75	67.85	9.28	77.13	77.13	Khá